

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ IA TROK**

Số: 10/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ia Trok, ngày 12 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện theo Nghị quyết số: 01/NQ-HĐND ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng nhân dân xã về việc phê chuẩn phân bổ dự toán thu-chi ngân sách xã năm 2020;

Xét đề nghị của kế toán ngân sách xã vào ngày 10/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của xã với các nội dung cụ thể, như sau:

(Các biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng- thống kê xã, Tài chính- kế toán xã và các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Ia Pa;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- TT HĐND – UBND xã;
- 02 Ban HĐND xã;
- MT và các đoàn thể xã;
- Lưu: VP.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Võ Hưng Quang

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2020
(Dự toán đã được Hội đồng quyết định)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	I	2
	TỔNG THU		
I	Các khoản thu 100%	9.207.170.000	9.143.170.000
1	Phí, lệ phí	80.000.000	80.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	40.000.000	40.000.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	35.000.000	35.000.000
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	5.000.000	5.000.000
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân (thu khác thuốc lá)		
8	Thu môn bài		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		
I	Các khoản thu phân chia	260.000.000	196.000.000
-	Thuế thu nhập cá nhân		
-	Thuế gia trị gia tăng	120.000.000	96.000.000
1	Thuế tài nguyên	60.000.000	36.000.000
2	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
3	Thuế môn bài		
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		
5	Lệ phí trước bạ xe	10.000.000	8.000.000
6	Thuế gia trị gia tăng	0	
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	
8	Phí bảo vệ môi trường	0	
9	Thu tiền sử dụng đất		
10	Thu phạt của thuế	70.000.000	56.000.000
11	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	8.867.170.000	8.867.170.000
2	Thu bổ sung cân đối cải cách tiền lương	2.935.070.000	2.935.070.000
3	Thu bổ sung có mục tiêu hỗ trợ công tác phòng, chống dịch tả lợn Châu phi trên địa bàn (đợt 3)	589.310.000	589.310.000
4	Thu bổ sung có mục tiêu hỗ trợ tiền tết Nguyên đán năm 2020 cho cán bộ, công chức, BCT xã, thôn	3.793.170.000	3.793.170.000
5	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	44.600.000	44.600.000
		1.505.020.000	1.505.020.000

(Red stamp and signature)

209

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		
		TỔNG SỐ 1=2+3	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2	THƯỜNG XUYỀN 3
A	B			
	TỔNG CHI	9.143.170.000	56.000.000	9.087.170.000
	Trong đó:			
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội			
	Chi dân quân tự vệ	589.341.716	0	589.341.716
	Chi trật tự an toàn xã hội	315.365.716		315.365.716
2	Chi giáo dục	273.976.000		273.976.000
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	31.500.000		31.500.000
4	Chi y tế	0		
5	Chi văn hóa, thông tin	6.300.000		6.300.000
6	Chi phát thanh, truyền thanh	81.550.000		81.550.000
7	Chi thể dục, thể thao	6.000.000		6.000.000
8	Chi bảo vệ môi trường	7.650.000		7.650.000
9	Chi hỗ trợ Iso	5.400.000		5.400.000
10	Hỗ trợ giám sát, phân biện xã hội ngành đoàn thể	4.500.000		4.500.000
11	Chi lập kế hoạch đầu tư (4trđ/xã, 2trđ/thôn)	4.500.000		4.500.000
12	Chi phổ biến giáo dục pháp luật và công tác hòa giải	22.000.000		22.000.000
13	Chi các hoạt động kinh tế	52.326.000		52.326.000
-	- Giao thông	956.000.000	56.000.000	900.000.000
-	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	0		
-	- Thị chính	0		
-	- Thương mại, du lịch	0		
-	- Sự nghiệp kinh tế	0		
-	- Chương trình MTQG XDNTM	0		0
-	- Vốn chính sách bảo vệ và đất trồng lúa	56.000.000	56.000.000	
-	- Hỗ trợ phát triển sản xuất (XDNTM)	0		
-	- Xây nhà làm việc Công an xã	350.000.000		350.000.000
14	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	550.000.000		550.000.000
	Trong đó: Quỹ lương	3.268.728.284	0	3.268.728.284

2/2020

8/20

14.1	Hội đồng nhân dân				
14.2	Quản lý nhà nước		391.397.340		391.397.340
14.3	Đảng Cộng sản Việt Nam		1.215.465.044		1.215.465.044
14.4	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		638.813.208		638.813.208
14.5	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM		280.110.000		280.110.000
14.6	Hội Liên hiệp Phụ nữ		192.072.564		192.072.564
14.7	Hội Cựu chiến binh		202.564.260		202.564.260
14.8	Hội Nông dân		161.829.144		161.829.144
14.9	Chi hỗ trợ khác (nếu có)		186.476.724		186.476.724
15	Chi cho công tác xã hội				
-	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghị việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác		3.877.870.000	0	3.877.870.000
-	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa		0		
-	Chi đảm bảo xã hội		0		
-	Chi hỗ trợ công tác phòng, chống dịch tả lợn Châu phi trên địa bàn xã (đợt III)		11.700.000		11.700.000
-	Xây dựng đời sống ở khu dân cư		3.793.170.000		3.793.170.000
16	Chi khác (hội NCT+HCTĐ+HKH)		73.000.000		73.000.000
17	Dự phòng và tiết kiệm		72.594.000		72.594.000
-	Dự phòng		156.910.000		156.910.000
-	Tiết kiệm 10%		103.000.000		103.000.000
			53.910.000		53.910.000

29